

Số : 405/TB-STC

An Giang, ngày 10 tháng 4 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách tỉnh An Giang Quý I năm 2020

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ thực hiện công khai ngân sách địa phương và ngân sách cấp tỉnh, trong đó giao Sở Tài chính thực hiện công khai các nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 7 của Thông tư 343/2016/TT-BTC;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương tỉnh An Giang năm 2020 và Quyết định số 2970/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh An Giang năm 2020;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách trên địa bàn, Sở Tài chính thực hiện công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách quý I/2020 như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước quý I/2020:

a/ Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 2.718 tỷ đồng, đạt 40,2% so dự toán năm, bằng **107,9%** so với cùng kỳ, bao gồm:

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 48 tỷ đồng, đạt 20,1% so dự toán năm, bằng **50,9%** so với cùng kỳ.

- Thu nội địa : 2.670 tỷ đồng, đạt 41% so dự toán năm, bằng **110,1%** so với cùng kỳ, trong đó: thu cân đối ngân sách 2.670 tỷ đồng, đạt 41% so dự toán năm, bằng **110,1%** so với cùng kỳ; các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước 0,166 tỷ đồng, bằng 141,8% so với cùng kỳ.

b/ Thu Ngân sách địa phương: 4.668 tỷ đồng, đạt 31,3% so dự toán năm, bằng 124,9% so cùng kỳ năm trước, gồm:

- Thu ngân sách từ kinh tế trên địa bàn: 2.498 tỷ đồng, đạt 43% so dự toán năm.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên : 2.170 tỷ đồng, đạt 23,8% so dự toán năm.

(Đính kèm biểu 60/CK-NSNN)

2. Chi ngân sách địa phương quý I/2020:

Tổng chi ngân sách địa phương là 3.307 tỷ đồng, đạt 22,2% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 112% so với cùng kỳ năm trước, gồm :

a/ Chi cân đối ngân sách: 2.881 tỷ đồng, đạt 23,1% so dự toán năm, bằng 105,8% so cùng kỳ năm trước.

b/ Chi từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP: 426 tỷ đồng, đạt 17,3% dự toán năm.

(Đính kèm biểu 61/CK-NSNN)

3. Cân đối ngân sách địa phương quý I/2020: theo biểu số 59/CK-NSNN đính kèm.

Trên đây là tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý I/2020 của tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh “báo cáo”;
- Trang thông tin điện tử Sở; website AG;
- Ban Giám đốc
- Lưu VT; P.NS;

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

đã ký

Nguyễn Điền Tân

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2020

(Kèm Thông báo số /TB-STC ngày /4/2020 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.757.000	2.717.784	40,22	107,90
I	Thu nội địa	6.517.000	2.669.439	40,96	110,14
I.1	Thu cân đối	6.517.000	2.669.274	40,96	110,14
1	Thu từ khu vực DNNN	719.000	245.552	34,15	119,99
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	45.000	54.858	121,91	557,55
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.160.000	528.482	45,56	105,86
4	Thuế thu nhập cá nhân	620.000	194.104	31,31	113,25
5	Thuế bảo vệ môi trường	850.000	155.269	18,27	93,67
6	Lệ phí trước bạ	360.000	85.308	23,70	100,72
7	Thu phí, lệ phí	230.000	70.448	30,63	105,13
8	Các khoản thu về nhà, đất	392.000	254.978	65,05	188,70
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000	3.226	26,88	127,11
-	Thu tiền sử dụng đất	300.000	247.418	82,47	214,50
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	80.000	3.822	4,78	23,09
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	512	-	-
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	17.000	62.858	369,75	520,47
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	106.000	53.173	50,16	92,91
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.551.000	843.316	54,37	92,34
12	Thu tại xã	2.000	304	15,20	589,05
	Trong đó: Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.000	304	15,20	589,05
13	Thu khác ngân sách	465.000	120.624	25,94	116,81
I.2	Các khoản thu để lại quản lý qua ngân sách		166		141,83
	Thu nhân dân đóng góp		166		141,83
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	240.000	48.345	20,14	50,89
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	14.927.460	4.668.008	31,27	124,86
1	Từ các khoản thu phân chia	1.136.000	223.916	19,71	253,68
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	4.677.200	2.273.592	48,61	104,23
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	9.114.260	2.170.500	23,81	147,75

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2020

(Kèm Thông báo số /TB-STC ngày /4/2020 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	14.927.460	3.307.477	22,16	112,03
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	12.463.166	2.881.128	23,12	105,84
I	Chi đầu tư phát triển	3.151.996	734.520	23,30	118,47
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.151.996	734.520	23,30	118,47
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-	-	-	-
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	9.053.137	2.146.608	23,71	102,11
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.861.360	875.070	22,66	101,69
2	Chi khoa học và công nghệ	36.800	16.931	46,01	86,52
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	796.065	246.163	30,92	98,63
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	107.284	37.943	35,37	134,45
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	33.448	7.576	22,65	103,89
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	121.942	28.946	23,74	165,21
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	227.124	47.849	21,07	320,30
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.061.901	175.589	16,54	143,86
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.740.262	473.565	27,21	230,47
10	Chi bảo đảm xã hội	479.963	96.649	20,14	51,03
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	7.600			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.170	-	-	
V	Dự phòng ngân sách	249.263	-	-	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	2.464.294	426.349	17,30	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	370.875	31.448	8,48	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.352.075	266.550	19,71	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	741.344	128.351	17,31	

Biểu số 59/CK-NSNN

(Ban hành kèm theo Thông tư 343/2016/TT-BTC)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2020

(Kèm Thông báo số /TB-STC ngày /4/2020 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI DT (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	14.927.460	4.668.008	31,27	124,86
I	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	5.813.200	2.497.508	42,96	110,04
1	Từ các khoản thu phân chia	1.136.000	223.916	19,71	253,68
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	4.677.200	2.273.592	48,61	104,23
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	9.114.260	2.170.500	23,81	147,75
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	14.927.460	3.307.477	22,16	112,03
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	12.463.166	2.881.128	23,12	105,84
1	Chi đầu tư phát triển	3.151.996	734.520	23,30	118,47
2	Chi thường xuyên	9.053.137	2.146.608	23,71	102,11
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	7.600			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.170			
5	Dự phòng ngân sách	249.263			
II	Chi từ nguồn thu quản lý qua ngân sách	-			
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.464.294	426.349	17,30	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	370.875	31.448	8,48	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.352.075	266.550	19,71	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	741.344	128.351	17,31	
C	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	122.400			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	90.100	5.313	5,90	